Market Highlight

13 January 2015

HOSE 13/01/2015

VNINDEX	580.60	6.28	1.09%
KLGD		111,664,637	CP
GTGD		2,082.52	Tỷ
GTR NDTNN	-	37.26	Tỷ
CP Tăng giá		133	CP
CP Giảm giá		79	CP
CP Đứng giá		92	CP

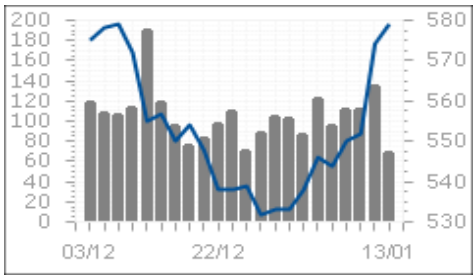

HNX 13/1/2015

HNXINDEX	85.18	0.46	0.55%
KLGD		48,539,527	CP
GTGD		748.16	Tỷ
GTR NDTNN	-	219.57	Tỷ
CP Tăng giá		109	CP
CP Giảm giá		90	CP
CP Đứng giá		180	CP

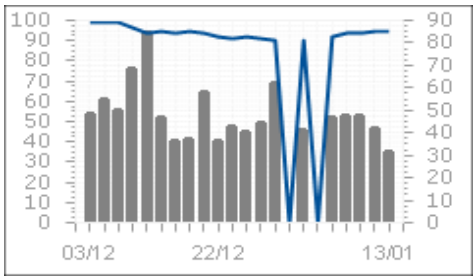

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	619.39	3.66	0.59%
HNX30	165.76	0.92	0.56%

Tâm điểm

- **Lực cầu lớn vào cuối phiên khiến đà tăng tiếp tục được củng cố**
- **Thanh khoản 2 sàn sụt giảm so với phiên hôm qua**
  NĐT nước ngoài bán ròng mạnh trên HNX
- **Ngày 12/1: NHNN phát hành gần 3.500 tỷ đồng tín phiếu**
  Trạng thái bơm/hút ròng của NHNN trong ngày 12/1 bằng 0 đồng
  SBV
- **Trung Quốc – thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam**
  Hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc trị giá 13,53 tỷ USD
  VINANET
- **Nhật Bản công bố thặng dư tài khoản vãng lai 5 tháng liên tiếp**
  Tháng 11/2014 Nhật Bản đạt thặng dư tài khoản vãng lai 3.7 tỷ USD
  Vietnam+
- **HUT-Tasco: Lợi nhuận sau thuế 2014 ước đạt 253 tỷ đồng**
  Năm 2014 Tasco đạt 1.177 tỷ đồng doanh thu tăng trưởng 166,5%
  Vietstock
- **DPR: Vượt 33% kế hoạch lợi nhuận năm 2014**
  Công ty giảm kế hoạch lợi nhuận từ 249 tỷ đồng xuống còn 190 tỷ đồng năm 2014
  Vietstock

Thị trường / Ngành

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,042,325	14.0	2.8	18.2%	9.4%
HNX	140,759	13.5	1.8	8.9%	4.2%
Toàn bộ thị trường	**1,183,084**	**14.3**	**2.7**	**18.0%**	**9.0%**
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	6,772	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	22,292	9.6	1.6	17.0%	10.6%
Thép và sản phẩm thép	37,339	12.7	2.0	22.9%	10.9%
Khai khoáng	12,433	96.2	6.2	-4.1%	-3.4%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	26,833	14.9	1.6	13.2%	7.3%
Xây dựng	32,531	26.7	1.1	2.0%	2.4%
Máy công nghiệp	8,703	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,688	8.4	1.5	18.6%	13.6%
Lốp xe	8,154	10.5	2.7	25.5%	11.0%
Nuôi trồng nông & hải sản	23,055	11.0	2.2	22.8%	7.6%
Thực phẩm	190,384	24.5	4.6	18.5%	14.3%
Dược phẩm	15,514	12.3	2.8	22.3%	14.7%
Phần mềm	17,016	10.2	2.2	21.7%	9.0%
Sản xuất & phân phối điện	29,860	10.4	1.5	15.8%	7.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	155,524	12.7	4.1	32.4%	22.0%
Bảo hiểm nhân thọ	24,293	19.3	2.0	10.4%	2.2%
Môi giới chứng khoán	25,685	10.6	1.4	11.0%	7.4%
Ngân hàng	276,527	13.1	1.5	10.3%	0.9%
Bất động sản	158,015	15.5	2.5	17.8%	4.6%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	33,308	7.5	1.6	21.9%	9.2%

VietinBankSc
306 Ba Trieu
Hai Ba Trung
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

Trịnh Thị Thu Phương
thuphuong@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

Ngày 12/1: NHNN phát hành gần 3.500 tỷ đồng tín phiếu

Ngày 12/1, NHNN không thực hiện bơm ra cũng như không hút vào trên thị trường mở OMO, tương đương trạng thái bơm/hút ròng trong ngày bằng 0 đồng. Như vậy, tính đến ngày 12/1/2015, lượng OMO còn trong lưu thông đạt 9.880 tỷ đồng. Trong ngày 12/1/2015, NHNN phát hành 3.494 tỷ tín phiếu, trong khi có 2.821 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Từ 15/3/2012 đến nay, NHNN đã phát hành tổng cộng 1.391.694 tỷ đồng tín phiếu, đã có 1.256.743 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn và còn 134.951 tỷ đồng tín phiếu chưa đáo hạn.

Trung Quốc – thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam

Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam (chỉ đứng sau thị trường Hoa Kỳ). Tính từ đầu năm đến hết tháng 11/2014, hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc trị giá 13,53 tỷ USD; chiếm khoảng 9,9% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Việt Nam nhập khẩu tới 7 mặt hàng trên tỷ USD từ Trung Quốc, trong đó có những mặt hàng đạt giá trị lớn trên 5 tỷ USD, chỉ có 3 mặt hàng xuất khẩu sang Trung Quốc đạt giá trị trên 1 tỷ USD, bao gồm: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 1,96 tỷ USD, chiếm 14,5% tổng kim ngạch; dầu thô đạt 1,19 tỷ USD, chiếm 8,77%; xơ sợi dệt các loại đạt 1,13 tỷ USD, chiếm 8,37%.

Nhật Bản công bố thặng dư tài khoản vãng lai 5 tháng liên tiếp

Ngày 13/1, CP Nhật Bản công bố trong tháng 11/2014 nước này đạt thặng dư tài khoản vãng lai 433 tỷ yen (tương đương 3,7 tỷ USD). Trong đó thâm thụ thương mại giảm 42,4% xuống 636,8 tỷ yen (xuất khẩu tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2013 và đạt 6.322,1 tỷ yen trong khi nhập khẩu chỉ tăng 2,2% lên 6.959 tỷ yen). Đây là tháng thứ 5 liên tiếp Nhật Bản đạt thặng dư tài khoản vãng lai. Chuyên gia kinh tế Daiki Takahashi tại Viện Nghiên cứu Dai-ichi nhận định trong bối cảnh đồng yen yếu và kinh tế toàn cầu ổn định, thu nhập từ đầu tư của Nhật Bản ở nước ngoài tăng đáng kể, thâm hụt thương mại giảm một phần do giá dầu giảm, Nhật Bản có thể tiếp tục đạt thặng dư tài khoản vãng lai trong thời điểm này.

Trịnh Thị Thu Phương
thuphuong@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

HUT-Tasco: Lợi nhuận sau thuế 2014 ước đạt 253 tỷ đồng

Theo thông tin từ Công ty CP Tasco (HNX: mã HUT), hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2014 đạt được kết quả khả quan so với năm ngoái: Năm 2014 Tasco đạt 1.177 tỷ đồng doanh thu tăng trưởng 166,5% so với 2013 và vượt 17,7% so với kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên đề ra là 1.000 tỷ. Lợi nhuận sau thuế đạt 253 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2013 (đạt gần 11 tỷ) và vượt kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên đề ra (180 tỷ) trên 40%. Tasco chủ yếu đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng giao thông và nhà ở: Tháng 1/2014 Tasco đã tổ chức thông xe tuyến đường Phủ Lý –Mỹ Lộc có tổng mức đầu tư 3.802 tỷ. Tháng 7/2014 trúng thầu dự án nâng cấp giao thông đô thị Hải Phòng trị giá 637 tỷ. Năm 2015 Tasco dự kiến tổng doanh thu đạt khoảng 1.362 tỷ đồng , lợi nhuận sau thuế khoảng 143 tỷ.

DPR: Vượt 33% kế hoạch lợi nhuận năm 2014

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (HOSE: Mã DPR) vừa công bố báo cáo sản xuất kinh doanh tháng 12/2014 và cả năm 2014: Lũy kế 12 tháng, DPR thu về 965,3 tỷ đồng doanh thu tiêu thụ cao su, giảm 17,1% và 240 tỷ đồng lợi nhuận gộp, giảm 29,4% so với năm 2013. So với kế hoạch năm đã được điều chỉnh, DPR đã vượt 10% kế hoạch doanh thu và 32,8% kế hoạch lợi nhuận. (Công ty giảm kế hoạch lợi nhuận từ 249 tỷ đồng xuống còn 190 tỷ đồng năm 2014).Bình quân cả năm, giá bán cao su đạt 38,3 triệu đồng/ tấn. So với năm 2013, giá bán cao su đã giảm 27,6%, tuy nhiên so với kế hoạch sau điều chỉnh, DPR đủ hoàn thành mục tiêu đề ra. Trong tháng 12, giá bán cao su của DPR bình quân chỉ đạt 32,7 triệu đồng/tấn. Đây là mức giá thấp nhất được ghi nhận trong năm 2014.

HHS: Lợi nhuận sau thuế nắm 2014 vượt gần 60% kế hoạch

Theo thông tin từ CTCP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HOSE: Mã HHS), Quý 4 năm 2014, Công ty đạt tổng doanh thu đạt 572.3 tỷ đồng, tăng hơn 8% so với quý 3 và gấp 3,7 so với cùng ký năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế đạt 68,8 tỷ đồng, tăng trưởng 78% so với quý 3, và gấp gần 3 so với cùng kỳ năm ngoái. Đây cũng là mức doanh thu và lợi nhuận ròng theo quý lớn nhất từ trước cho tới nay của Công ty. Kết thúc năm 2014, doanh thu lũy kế của Công ty vượt 1.423 tỷ, bằng 229,6% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 135,9 tỷ đồng - tăng 66% so với năm 2013 và vượt gần 60% kế hoạch của năm.

Market Highlight

HOSE	13/01/2015	VNINDEX	580.60	6.28	1.09%	111,664,637 CP	2,082.52 bil VND

Lực cầu lớn vào cuối phiên khiến đà tăng tiếp tục được củng cố

- Vn-Index tăng 6.28đ (+1.09%) lên mức 580.6 điểm. Một cây nến xanh thân rỗng không có bóng nến. Dải Bollinger Band tiếp tục mở rộng, đường giá vẫn nằm phía trên của dải cho thấy đà tăng được củng cố.
- MACD tăng mạnh đã cắt đường zezo, MFI đã ngừng tăng vẫn nằm trong vùng quá bán.
'-Các tín hiệu kỹ thuật cho thấy xu hướng tăng của Vn-Index được củng cố, đà tăng đã lan đều ở các mã mặc dù khối lượng có sụt giảm so với phiên hôm qua. Vùng kháng cự tiếp của Vn-Index là 595-600

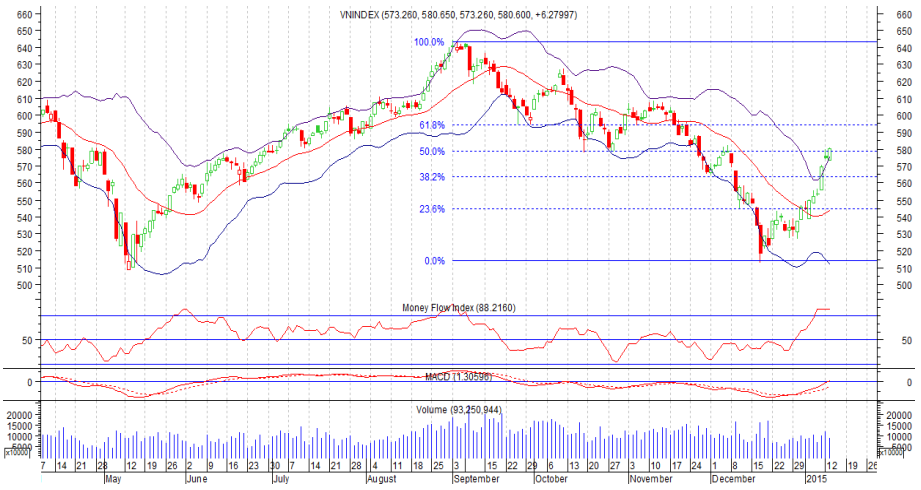

HOSE Top 5 theo KLGD

OGC	0.4 (6.7%)	8,674,980
FLC	-0.1 (-0.9%)	5,923,540
HAG	0.9 (4.0%)	5,871,820
MBB	0.3 (2.1%)	4,780,930
BID	0.9 (5.8%)	4,239,540

HOSE Top 5 theo % tăng

VMD	1.3 (7.0%)	5,010
COM	2.2 (7.0%)	10
NVN	0.2 (6.9%)	10
CCI	0.9 (6.9%)	10
NCT	7 (6.9%)	1,340

HOSE Top 5 theo % giảm

HVG	-4.9 (-18.8%)	1,395,720
DQC	-8 (-14.0%)	67,860
TLH	-1.2 (-13.5%)	742,790
HLA	-0.1 (-7.1%)	327,940
BTT	-2.5 (-6.6%)	20

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MWG	102,6	tỷ	898,150
GAS	34,7	tỷ	432,370
BID	15,1	tỷ	924,430
VCB	14,9	tỷ	404,040
DPM	11,3	tỷ	348,370

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KBC	-208,5	tỷ	13,362,747
PVD	-18,8	tỷ	306,420
VIC	-14,8	tỷ	314,410
DXG	-3,9	tỷ	279,780
BVH	-3,3	tỷ	92,460

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-9,781,517	- 37.26

Nhận định / Bình luận thị trường

- 1. Diễn biến thị trường: VN-Index giảm đỏ lúc thị trường mới mở cửa, sau đó hồi phục dần. Phiên chiều, đà tăng được củng cố,VN-Index tiếp tục đi lên.
- Phiên này GAS tăng tiếp 1.500 đồng. Cổ phiếu ngân hàng vẫn tiếp tục dẫn dắt thị trường trong đó CTG gây ấn tượng với mức tăng 800 đồng. BID tăng 900 đồng…
- Thanh khoản sụt giảm so với phiên hôm qua đạt 111.6 triệu đơn vị. OGC tiếp tục dẫn đầu với hơn 8,67 triệu đơn vị, tiếp đến là FLC, HAG, MBB..
- 2. Giao dịch khối ngoại: NĐTNN bán ròng trên HOSE với hơn 37 tỷ giá trị. Mua nhiều ở các mã MWG, GAS... và bán nhiều ở mã KBC, PVD…
- 3. Nhận định: Đà tăng có thể tiếp tục được duy trì, NĐT có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu tốt, không nên mua đuổi nếu thị trường tiếp tục tăng.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	80.5	152,547.50	13.0	4.2	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	102.0	102,012.10	17.2	5.5	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	37.0	98,605.75	21.6	2.3	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	47.1	68,509.55	17.7	3.7	21.1%	4.6%
MSN	735.8	85.5	62,911.60	494.6	4.4	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	15.5	57,712.77	10.1	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	16.4	46,103.72	9.8	1.4	13.6%	0.8%
HPG	481.9	54.0	26,023.04	8.2	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	35.2	23,952.59	19.3	2.0	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	18.8	21,479.22	8.9	1.2	14.3%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	100.1	10.8	1,080.72	14.1	1.0	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.1	806.28	22.5	0.9	NA	TH.DOI
CII	186.8	18.9	3,529.67	7.1	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	77.5	3,524.58	9.8	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.6	704.70	5.9	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.8	574.29	1.8	0.9	NA	TH.DOI

Market Highlight

VietinBankSc

HNX	13/01/2015	HNX-Index	85.18	0.46	0.55%	48,539,527 CP	748.16 bil. VND

Lực cầu lớn vào cuối phiên khiến đà tăng tiếp tục được củng cố

-Chỉ số HNX-Index tăng 0.46 điểm (+0.55%), đóng cửa tại mốc 85.18 điểm. Một cây nến xanh, thân rỗng hình thành, thân nến vẫn neo ở dải trên của dải Bollinger Band. Chỉ số RSI đã tăng trở lại cho thấy đà tăng của chỉ số HNX-Index có thể được duy trì.

- MACD tiếp tục tăng tiến sát đường zezo.

- Đà tăng của HNX-Index được củng cố khi RSI đã gia tăng trở lại, tuy nhiên khối lượng có dấu hiệu suy giảm cho thấy đà tăng tiếp diễn không mạnh. Vùng kháng cự sắp tới có thể là 86.5-87 điểm

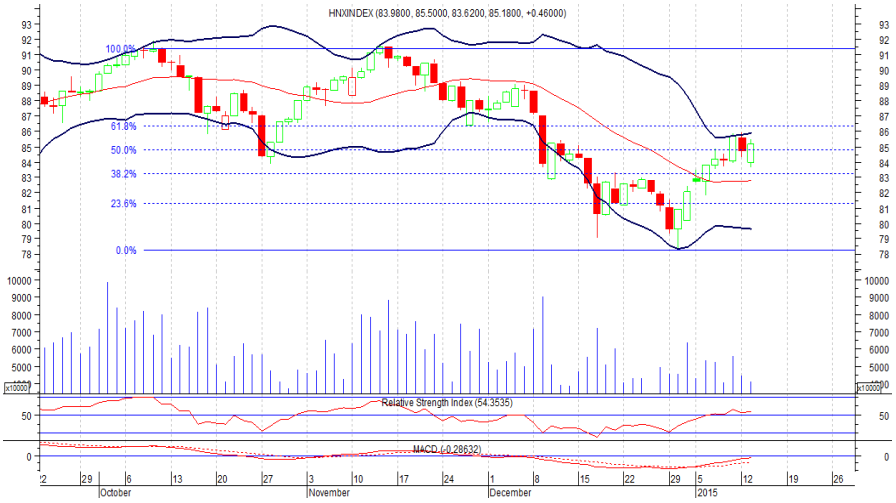

HNX Top 5	theo KLGD	
KLF	0.1 (0.9%)	7,607,960
HUT	-0.2 (-1.3%)	3,391,760
SHB	0.2 (2.3%)	3,253,660
SCR	-0.1 (-1.1%)	3,252,240
PVX	0 (0.0%)	2,064,780

HNX Top 5	theo % tăng	
HTP	0.8 (11.0%)	-
CTN	0.5 (10.0%)	1,000
HST	0.6 (10.0%)	100
TV3	2.4 (10.0%)	2,500
SDC	1.2 (9.5%)	100

HNX Top 5	theo % giảm	
D11	-1.5 (-9.8%)	100
SPI	-0.5 (-9.8%)	1,300
HTC	-3.5 (-9.7%)	3,600
VAT	-0.8 (-9.4%)	1,500
DST	-1.1 (-9.4%)	200

HNX Top 5	Mua ròng NDTNN		
VND	1,8	tỷ	140,900
SHB	1,0	tỷ	114,400
VCG	1,0	tỷ	80,390
DNM	0,6	tỷ	19,100
BVS	0,5	tỷ	38,000

HNX Top 5	Bán ròng NDTNN		
DBC	-221,3	tỷ	#VALUE!
PVS	-3,0	tỷ	113,100
LAS	-0,6	tỷ	17,100
BCC	-0,3	tỷ	19,800
TCT	-0,2	tỷ	3,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-7,072,076	- 219.57

Nhận định / Bình luận thị trường

- 1.Diễn biến thị trường: HNX-Index tiếp tục giảm đỏ đầu phiên, sau đó nhanh chóng phục hồi và duy trì mức tăng ổn định cho đến hết phiên
- Nhóm cổ phiếu chủ chốt phân hóa mạnh: ACB tăng 400 đồng, BVS và SHB tăng 200 đồng, VCG và VND tăng 100 đồng, KLS và PVX dừng mốc tham chiếu, …
- Thanh khoản sụt giảm so với phiên hôm qua đạt 48,5 triệu đơn vị, GTGD là 748,16 tỷ đồng. KLF dẫn đầu thanh khoản, tiếp đến là HUT, SHB, SCR…
- 2. Giao dịch khối ngoại: : NĐTNN bán ròng mạnh trên HNX với hơn 220 tỷ đồng. Bán nhiều ở các mã DBS, PVS… Mua nhiều các mã VND, SHB...
- 3. Nhận định: Đà tăng có thể tiếp tục được duy trì, NĐT có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu tốt, không nên mua đuổi nếu thị trường tiếp tục tăng.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	16.5	15,011.38	27.1	1.2	4.4%	0.3%
PVS	446.7	26.2	11,703.55	7.3	1.4	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	9.0	7,974.75	9.6	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.6	5,565.55	8.4	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	24.7	4,940.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.8	4,007.82	12.5	0.6	5.1%	1.8%
VNR	131.1	24.2	3,172.04	9.9	1.2	12.8%	5.4%
NTP	56.3	51.0	2,873.30	7.2	2.1	23.4%	14.9%
LAS	77.8	34.9	2,716.34	7.5	2.1	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.9	1,060.20	6.6	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	13.8	546.48	5.1	1.0	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.1	2,030.48	11.4	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	51.0	2,873.30	7.2	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	24.0	1,200.00	6.2	1.4	NA	TH.DOI
DXP	7.9	40.0	315.00	7.6	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,911.60	15.22%	85.5	- 494.57	4.39	142,382	277,604	221,956
VIC	HOSE	1,454.6	68,509.55	12.53%	47.1	17.73	3.73	596,820	813,851	1,069,490
PVD	HOSE	303.0	18,485.25	11.71%	61.0	7.84	1.70	628,058	1,017,789	808,028
HPG	HOSE	481.9	26,023.04	11.57%	54.0	8.23	2.27	367,115	417,022	463,647
HAG	HOSE	789.9	18,325.66	7.45%	23.2	9.36	1.21	2,475,916	2,495,128	3,038,340
KDC	HOSE	255.2	12,069.12	7.00%	47.3	19.29	1.77	1,594,694	1,290,443	1,180,926
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	5.69%	18.8	8.86	1.23	1,041,094	2,442,281	1,004,437
VCB	HOSE	2,665.0	98,605.75	5.16%	37.0	21.56	2.29	1,505,178	1,346,567	696,953
DPM	HOSE	379.9	12,613.82	4.04%	33.2	10.19	1.32	1,038,947	935,200	702,479
KBC	HOSE	389.8	6,197.19	2.83%	15.9	14.42	1.17	2,216,383	2,313,825	3,644,840
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	2.64%	8.0	47.10	0.73	5,556,317	5,485,776	5,550,608
HSG	HOSE	96.3	4,526.72	1.95%	47.0	11.06	1.91	95,663	110,163	176,154
BVH	HOSE	680.5	23,952.59	1.83%	35.2	19.33	2.03	719,937	607,817	330,135
HVG	HOSE	132.0	2,798.40	1.55%	21.2	11.78	1.42	716,609	1,027,242	1,215,117
FLC	HOSE	314.9	3,337.88	1.53%	10.6	6.28	0.89	11,875,866	10,848,510	14,244,293
PPC	HOSE	318.2	8,685.62	1.47%	27.3	11.41	1.54	959,262	952,084	532,759
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.41%	55.5	13.34	3.22	26,678	135,332	99,443
PVT	HOSE	255.9	3,505.25	1.37%	13.7	11.78	1.14	2,392,323	2,746,113	2,320,083
CSM	HOSE	67.3	2,846.45	1.32%	42.3	8.12	2.23	104,381	71,372	90,049
VSH	HOSE	206.2	2,804.88	1.16%	13.6	19.01	1.03	269,258	589,034	485,171
OGC	HOSE	300.0	1,920.00	0.56%	6.4	10.44	0.55	9,001,414	7,270,286	6,535,976

Công ty quản lý	**DB Platinum Advisors**	Ngày lập quỹ	**15/01/2008**	SLCKVN	**22/22**
Chỉ số tham chiếu	**FTST Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**14/05/2007**	TGTTSQL	**361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,911.60	8.53%	85.5	- 494.57	4.39	142,382	277,604	221,956
VIC	HOSE	1,454.6	68,509.55	7.57%	47.1	17.73	3.73	596,820	813,851	1,069,490
VCB	HOSE	2,665.0	98,605.75	7.13%	37.0	21.56	2.29	1,505,178	1,346,567	696,953
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	6.62%	18.8	8.86	1.23	1,041,094	2,442,281	1,004,437
PVS	HNX	446.7	11,703.55	5.75%	26.2	7.29	1.39	2,074,027	2,839,120	2,522,854
BVH	HOSE	680.5	23,952.59	4.51%	35.2	19.33	2.03	719,937	607,817	330,135
DPM	HOSE	379.9	12,613.82	4.25%	33.2	10.19	1.32	1,038,947	935,200	702,479
HAG	HOSE	789.9	18,325.66	4.04%	23.2	9.36	1.21	2,475,916	2,495,128	3,038,340
PVD	HOSE	303.0	18,485.25	3.90%	61.0	7.84	1.70	628,058	1,017,789	808,028
PPC	HOSE	318.2	8,685.62	3.14%	27.3	11.41	1.54	959,262	952,084	532,759
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	3.29%	8.0	47.10	0.73	5,556,317	5,485,776	5,550,608
FLC	HOSE	314.9	3,337.88	2.85%	10.6	6.28	0.89	11,875,866	10,848,510	14,244,293
SHB	HNX	886.1	7,974.75	2.54%	9.0	9.64	0.75	5,584,508	4,876,422	3,741,162
VCG	HNX	441.7	5,565.55	2.12%	12.6	8.36	0.98	1,085,951	1,286,400	1,410,608
PVT	HOSE	255.9	3,505.25	1.78%	13.7	11.78	1.14	2,392,323	2,746,113	2,320,083
OGC	HOSE	300.0	1,920.00	143.00%	6.4	10.44	0.55	9,001,414	7,270,286	6,535,976
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.00%	55.5	13.34	3.22	26,678	135,332	99,443
IJC	HOSE	274.2	3,729.05	0.65%	13.6	21.85	1.28	147,007	344,543	549,504
PVX	HNX	400.0	1,960.00	0.00%	4.9	- 2.14	2.12	5,319,896	4,420,157	5,179,612

Công ty quản lý	**Van Eck Global**	Ngày lập quỹ	**08/11/2009**	SLCKVN	**17/27**
Chỉ số tham chiếu	**Market Vector Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**24/11/2008**	TGTTSQL	**439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	68,509.55	0.00%	47.1	17.73	3.73	596,820	813,851	1,069,490
MSN	HOSE	735.8	62,911.60	0.00%	85.5	- 494.57	4.39	142,382	277,604	221,956
DPM	HOSE	379.9	12,613.82	0.00%	33.2	10.19	1.32	1,038,947	935,200	702,479
HAG	HOSE	789.9	18,325.66	0.00%	23.2	9.36	1.21	2,475,916	2,495,128	3,038,340
VCB	HOSE	2,665.0	98,605.75	0.00%	37.0	21.56	2.29	1,505,178	1,346,567	696,953
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.00%	18.8	8.86	1.23	1,041,094	2,442,281	1,004,437
BVH	HOSE	680.5	23,952.59	0.00%	35.2	19.33	2.03	719,937	607,817	330,135
CTG	HOSE	3,723.4	57,712.77	0.00%	15.5	10.08	1.00	451,166	311,891	280,301
GAS	HOSE	1,895.0	152,547.50	0.00%	80.5	12.98	4.23	409,736	545,077	501,294

Công ty quản lý	**Royal Bank of Scotland**	Ngày lập quỹ	**19/09/2011**	SLCKVN	**9/142**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier Markets Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,911.60	4.01%	85.5	- 494.57	4.39	142,382	277,604	221,956
VIC	HOSE	1,454.6	68,509.55	2.27%	47.1	17.73	3.73	596,820	813,851	1,069,490
PVD	HOSE	303.0	18,485.25	4.39%	61.0	7.84	1.70	628,058	1,017,789	808,028
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.89%	18.8	8.86	1.23	1,041,094	2,442,281	1,004,437
VCB	HOSE	2,665.0	98,605.75	1.28%	37.0	21.56	2.29	1,505,178	1,346,567	696,953
BVH	HOSE	680.5	23,952.59	1.79%	35.2	19.33	2.03	719,937	607,817	330,135

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ	**12/09/2012**	SLCKVN	**6/102**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier 100 Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	**MSCI VN Investable Market Indx**	Ngày lập chỉ số	**01/12/2010**	TGTTSQL	**4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,772	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,292	9.6	1.6	17.0%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,100	15.2	1.0	5.7%	2.2%
Sản xuất giấy	847	6.1	1.0	14.5%	7.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,339	12.7	2.0	22.9%	10.9%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,026	3.7	1.0	21.6%	5.2%
Khai khoáng	12,433	96.2	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	26,833	14.9	1.6	13.2%	7.3%
Xây dựng	32,531	26.7	1.1	2.0%	2.4%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,202	9.6	1.2	15.9%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	984	6.5	1.0	16.9%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,651	8.1	1.5	18.6%	6.5%
Thiết bị điện	1,751	11.0	1.9	10.1%	4.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	74	24.3	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,703	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,336	-2.8	0.9	4.6%	1.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,688	8.4	1.5	18.6%	13.6%
Dịch vụ vận tải	9,383	8.0	2.9	41.0%	29.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,613	18.2	1.8	8.7%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	247	12.8	0.8	7.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	198	9.0	1.0	12.9%	5.1%
Chất thải & Môi trường	221	3.4	1.1	33.5%	15.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,270	13.6	1.3	14.7%	7.3%
Lốp xe	8,154	10.5	2.7	25.5%	11.0%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,773	7.9	1.4	17.9%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	330	16.6	2.2	15.0%	10.0%
Đồ uống & giải khát	234	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,055	11.0	2.2	22.8%	7.6%
Thực phẩm	190,384	24.5	4.6	18.5%	14.3%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	64	18.0	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,851	7.7	1.2	18.1%	8.7%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	519	62.6	1.4	2.7%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,570	8.2	1.6	19.4%	7.6%
Giầy dép	10	-1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,147	10.3	2.0	18.9%	9.7%
Thuốc lá					
Thuốc lá	811	-12.0	1.1	1.9%	4.3%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,924	9.9	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	152	3.2	1.6	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	212	9.1	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,514	12.3	2.8	22.3%	14.7%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	225	- 35.8	0.7	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	737	10.3	1.2	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,711	9.4	1.6	18.7%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,106	9.1	1.0	10.1%	6.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,665	55.6	2.4	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,280	20.0	1.3	11.1%	9.3%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,737	18.4	3.4	23.4%	20.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	41	9.6	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	715	10.6	0.9	8.7%	3.2%
Internet	429	90.5	1.1	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,016	10.2	2.2	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	461	15.7	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	291	5.6	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	14,770	38.2	8.1	34.7%	11.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,860	10.4	1.5	15.8%	7.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	155,524	12.7	4.1	32.4%	22.0%
Nước	1,204	6.4	1.1	17.0%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,449	8.6	1.0	11.1%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,630	11.3	0.7	6.7%	2.5%
Tái bảo hiểm	3,172	9.9	1.2	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	24,293	19.3	2.0	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,556	7.6	1.2	18.8%	13.0%
Môi giới chứng khoán	25,685	10.6	1.4	11.0%	7.4%
Ngân hàng					
Ngân hàng	276,527	13.1	1.5	10.3%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	158,015	15.5	2.5	17.8%	4.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	8	2.0	0.6	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	33,308	7.5	1.6	21.9%	9.2%

P/E: PE 4 quý gần nhất I **P/B**: Hệ số giá / Giá trị sổ sách I **ROE**: Lãi ròng / Vốn CSH I **ROA**: Lãi ròng / Tổng tài sản

- **Nguyễn Hữu Quang** — **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
  quangnh@vietinbanksc.com.vn

- **Trịnh Thị Thu Phương** — thuphuong@vietinbanksc.com.vn
  - Tổng hợp thông tin vĩ mô

- **Nguyễn Thu Hằng** — hangntt@vietinbanksc.com.vn
  - Ngân hàng
  - Dược phẩm
  - Phân bón
  - Nước giải khát

- **Nguyễn Quang Sắc** — sacnq@vietinbanksc.com.vn
  - Phân tích kỹ thuật
  - Nhận định, bình luận thị trường

- **Vũ Ánh Nguyệt** — nguyetva@vietinbanksc.com.vn
  - Cao su
  - Thủy sản
  - Dệt may
  - Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.